TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HC-PT
Ngày: 15/01/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hợp

Ông Trương Công Thi

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Điểm cầu Trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối Điểm cầu Thành phần tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 306/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lí đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 120/2024/HC-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** ông Trịnh Văn C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997. Địa chỉ: 5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đình C2 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thụ K – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Quốc T – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi T1 – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L. Vắng.

- Người kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông*** Trịnh Văn C***, bà*** Nguyễn Thị C1 ***là ông*** Phạm Hữu H ***trình bày có nội dung như sau:***

Hộ ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị C1, Ủy ban nhân dân huyện E thu hồi với tổng diện tích 3.937,4 m^2 đất, trong đó thu hồi đất thửa số 09, tờ bản đồ số 91 với diện tích là 964,50 m^2. Thu hồi đất thửa số 145, tờ bản đồ 91 với diện tích 2.972,9 m^2. Địa chỉ thửa đất: tại Thôn F, xã C huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hỗ trợ theo Quyết định số: 159/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2023. Đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 91 với diện tích là 964,50 m^2, với tổng số tiền là 214.259.086 đồng. Trong đó; Hỗ trợ về đất là 11.574.000 đồng; Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc là 189.138.756 đồng; Hỗ trợ cây trồng, gắn liền với đất là 8.546.3330 đồng; Bồi thường hỗ trợ di chuyển là 8.000.000 đồng; Hỗ trợ bàn giao mặt bằng là 5.000.000 đồng.

Bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 273/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 10 tháng 8 năm 2023. Đối với thửa số 145, tờ bản đồ 91 với diện tích 2.972,9 m^2 với tổng số tiền là 174.816.792 đồng. Trong đó: Hỗ trợ về đất là 23.739.600 đồng; Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc là 23.242.692 đồng; Hỗ trợ cây trồng, gắn liền với đất là 127.834.500 đồng.

Bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 467/QĐ-UBND do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ban hành ngày 05 tháng 12 năm 2023. Bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện, bồi thường giải phóng mặt bằng với tổng số tiền là 181.139.000

đồng. Vậy hộ ông Trịnh Văn C được hỗ trợ 03 lần với tổng số tiền là 570.214.878 đồng, đã nhận đủ số tiền trên, với diện tích 2.942,503 m^2 của 02 thửa đất số 09 và 145, tờ bản đồ số 91, tại Thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1. Gia đình ông C, bà C1 không đồng ý với các Quyết định nêu trên của UBND huyện E, bởi những lý do sau:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Diện tích đất bị thu hồi là của ông C, bà C1 là do ông C khai hoang vào năm 1997. Trước khi khai hoang diện tích đất bị thu hồi nêu trên, ông C cùng bố mẹ và gia đình từ quê hương M - Hưng Yên vào Đắk Lắk lập nghiệp tại Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1996. Năm 1997 ông C lập gia đình và khai hoang thửa đất số 09 tờ bản đồ số 91 tại Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2000 gia đình ông C xin ba mẹ ra ở riêng, ông C và gia đình tạo lập nhà cột gỗ, xây tường bao quanh và các công trình phụ gồm nhà tắm, nhà bếp, nhà vệ sinh, gia đình ông C cũng bán tạp hóa tại nhà từ thời điểm đó đến nay. Đến năm 2007, do nhà xuống cấp nên gia đình ông C đã tháo dỡ cột, thi công cơi nới cao hơn, xây ngăn thêm phòng, mọi người trong thôn đều biết.

- Về kiểm đếm cây trồng còn thiếu, trong các quyết định không kê khai, bồi thường cho ông C những cây sau: Gồm cây bưởi (trồng 2002), cây bằng lăng (trồng năm 2000), cây sung (2004) là sai quy định.

- Về thời điểm sử dụng đất là lấn chiếm sử dụng liên tục từ 2005 đến nay vào mục đích nông nghiệp (căn cứ vào văn bản số 89/GCN-UBND của UBND xã C ngày 16/5/2023) là không có cơ sở, trái quy định pháp luật. Vì vậy, việc UBND huyện E chỉ hỗ trợ 60% và hỗ trợ 30% (diện tích bị thu hồi là 964,50 m^2 tại thửa đất số 09 tờ bản đồ số 91, và diện tích 1978,3 m^2 tại thửa đất số 145 tờ bản đồ số 91) và không bồi thường với diện tích 994,6 m^2 tại thửa đất 145 tờ bản đồ số 91 về đất là không đúng quy định pháp luật.

Thứ hai, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện E cũng không bồi thường bằng đất hoặc nhà ở để gia đình ông C, bà C1 có nơi tái định cư là không đúng quy định pháp luật. Về cây trồng, UBND huyện E xác nhận diện tích 2983,9 m^2 tại thửa đất 145 tờ bản đồ số 91 là do gia đình ông C, bà C1 lấn chiếm từ 2015 và 2005 là không có cơ sở, việc chỉ hỗ trợ với giá trị 60% và hỗ trợ 30%, không kiểm đếm và bồi thường cây bưởi, sung, bằng lăng là trái quy định pháp luật.

Vì vậy, việc không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về tài sản, kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất bị thu hồi của UBND huyện E là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật. Gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích kinh tế. Nên ông C và bà C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết cho gia đình ông C các vấn đề sau:

1. Hủy một phần Quyết định số 159/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1"*.

2. Hủy một phần Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1"*.

3. Hủy Quyết định số 467/QĐ-UBND do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1"*.

4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, phải bồi thường về đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng theo đúng quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện** UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk trình bày có nội dung như sau:***

Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: Căn cứ Nghị quyết số: 58/2022/QH15, ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1; Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc Triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1; Quyết định số 547/QĐ-UBND, ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-UBND, ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến 2030 của huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện E về việc Thực hiện công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 – dự án thành phần 3.

Căn cứ Kế hoạch số 301/KH-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện E về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm khi Nhà nước thu hồi đất

để thực hiện Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1.

Về căn cứ pháp lý lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Nguồn gốc sử dụng đất: Hộ ông Trịnh Văn C sử dụng 3.937,4 m^2 đất thuộc phạm vi thu hồi. Trong đó: 964,5m^2 tại thửa đất số 09 tờ bản đố số 91 theo trích lục bản đồ địa chính số 2061/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 26/4/2023 và 2.972,9 m^2 tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 91, theo trích lục bản đồ địa chính số 2298/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 15/05/2023.

Căn cứ Giấy xác nhận số 89/GXN-UBND ngày 16/5/2023 của UBND xã C xác nhận: Hộ ông Trịnh Văn C lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất công ty L giao cho UBND huyện E quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ Giấy xác nhận số 170/GXN-UBND ngày 21/6/2023 của UBND xã C xác nhận: Hộ ông Trịnh Văn C diện tích 1987,3 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất công ty L giao cho UBND huyện E quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Diện tích 994,6 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 *(theo Công văn số 51/CV-Cty ngày 05/6/2023 của Công ty TNHH MTV L)*. Diện tích đất do Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho L thuê 137.935.686 m^2 đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2015 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

+ Bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, Căn cứ theo Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định: "Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất", căn cứ Giấy xác nhận số 89/GXN-UBND ngày 16/05/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Trịnh Văn C lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Căn cứ Giấy xác nhận số 170/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận hộ ông Trịnh Văn C thì diện tích 1987,3m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005, xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP:

Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Diện tích 994,6 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 (theo Công văn số 51/CV-Cty ngày 05/06/2023 của Công ty TNHH MTV L*)* xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2015 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông Trịnh Văn C không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Hỗ trợ về đất:

Căn cứ khoản 2, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

Diện tích 1987,3 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005 nên được hỗ trợ theo điểm c Khoản 2, Điều 20 về đất. Diện tích 994,6m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 nên không được xem xét hỗ trợ.

+ Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc:

- Về đơn giá tài sản, vật kiến trúc: Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về mức hỗ trợ: Căn cứ điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**. Đối với hộ ông **Trịnh Văn C UBND xã C** đã Công văn số 155/UBND-ĐC, ngày 08/11/2023 của **UBND xã C** về việc điều chỉnh xác nhận nguồn gốc thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất. Theo Công văn số 155/UBND-ĐC, ngày 08/11/2023 của **UBND xã C** xác nhận thời điểm tạo lập nhà ở và tài sản, vật kiến trúc của hộ gia đình ông **Trịnh Văn C** là năm 2012, do đó mức hỗ trợ của hộ gia đình là 60%. Trung tâm đã lập Phương án điều chỉnh bổ sung và đã được **UBND huyện E** ban hành Quyết định phê duyệt Phương án tại Quyết định số 417/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023.

+ Hỗ trợ khác về cây trồng:

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**: Diện tích 1987,3 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành; Diện tích 994,6 m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

Từ những căn cứ nêu trên và các quy định pháp luật việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 27/6/2023, Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10/08/2023, Quyết định số 467/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1; Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 27/6/2023, Quyết định số 274/QĐ-UBND, Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ ông Trịnh Văn C là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của** UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk **là ông** Đặng Quốc T **trình bày có nội dung như sau:***

Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1 cùng với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E, đã phối kết hợp, kiểm tra đất đai, đo đạc kiểm đếm tài sản gắn liền với đất Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E chuyển hồ sơ kiểm đếm *(kèm theo các giấy tờ về quyền sử dụng đất)* của hộ gia đình làm cơ sở UBND xã C kiểm tra xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất.

Việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với thửa đất số 9 tờ bản đồ số 91 và thửa 145 tờ bản đồ số 91: Theo hồ sơ kiểm đếm của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E cung cấp thì hộ gia đình ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị C1 là chủ sử dụng đất của thửa đất số 9, 145 tờ bản đồ số 91 thuộc Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. cụ thể: Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 91, diện tích thu hồi: 964,5 m^2, loại đất hiện trạng: ONT+CLN *(số liệu theo Trích lục số 2061/TL-CNEK-KTĐC ngày 26/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E);* Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 91, diện tích thu hồi: 2972,9 m^2 (trong đó: diện tích thu hồi thuộc đất Công ty TNHH L quản lý là: 994,6 m^2, diện tích thu hồi ngoài diện tích đất Công ty TNHH L quản lý là: 1978,3 m^2), loại đất hiện trạng: CLN (đất trồng cây lâu năm) *(số liệu theo Trích lục số 2298/TL-CNEK-KTĐC ngày 15/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E).*

Trong hồ sơ kiểm đếm Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E cung cấp không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do đó, UBND xã Cư ELang căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và hướng dẫn tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ giải thích về trường hợp chiếm đất như sau:

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép;

b) Tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép;

Trường hợp sử dụng đất của hộ gia đình ông C và bà C1 tại 02 thửa đất số 09, 145 tờ bản đồ số 91 là trường hợp tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép và tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép. Vì vậy, UBND xã C đã xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất của 02 thửa đất như sau: Diện tích thu hồi tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 91 (964,5 m^2): Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì diện tích thu hồi của thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất đã trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý.

Qua chồng ghép và kiểm tra các loại bản đồ thì diện tích thu hồi thửa đất trên thuộc thửa đất số 58, mã loại đất: ONT, diện tích 55.988 m^2 thuộc tờ bản đồ số 3 (10-392500+392506+398500+398506) được Xí nghiệp đo đạc địa hình đo năm 2005 và Sở T3 phê duyệt ngày 29/12/2005. Do đó UBND xã cư E xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của diện tích thu hồi tại thửa số 9, tờ bản đồ số 91 là lấn, chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý; Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích thu hồi tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 91: 2972,9 m^2 (trong đó: diện tích thu hồi thuộc đất Công ty TNHH L quản lý là: 994,6 m^2, diện tích thu hồi ngoài diện tích đất Công ty TNHH L quản lý là: 1978,3 m^2).

Đối với phần diện tích 994,6 m^2: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì phần diện tích trên hiện do Công ty TNHH L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp giấy chứng nhận cho Công ty. Do đó thời điểm sử dụng

đất căn cứ trên thông tin của Công ty TNHH L cung cấp theo công văn số 51/CV-Cty ngày 5/6/2023 của Công ty TNHH L. Do đó UBND xã xác nhận thời điểm là năm 2015.

Đối với phần diện tích 1978,3 m^2: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì diện tích thu hồi của thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất đã trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý.

Qua chồng ghép và kiểm tra các loại bản đồ thì diện tích thu hồi thửa đất trên thuộc thửa đất số 55, mã loại đất: NHK, diện tích 69.275 m^2 thuộc tờ bản đồ số 3 (10-392500+392506+398500+398506) được Xí nghiệp đo đạc địa hình đo năm 2005 và Sở T3 phê duyệt ngày 29/12/2005. Do đó, UBND xã C đã xác nhận nguồn gốc thời điểm sử dụng đất là năm 2005.

Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của** Công ty TNHH MTV L**, tỉnh Đắk Lắk là ông** Nguyễn Phi T1 **trình bày có nội dung như sau:***

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty vào mục đích nông nghiệp. Kết quả kiểm kê rừng tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh, kết quả cập nhập diễn biến rừng hằng năm của công ty đã được phê duyệt, các hồ sơ tài liệu lưu trữ tại công ty, tham chiếu hệ thống ảnh vệ tinh hàng năm trên hệ thống, kết quả đo đếm rà soát đất đai của các đơn vị tư vấn, kết quả kiểm đếm cây lâu năm và cây rừng trên diện tích đất thu hồi của hộ gia đình.

Tại công văn số 51/CV-Cty ngày 05/3/2023 của của Công ty TNHH MTV L xác nhận diện tích 994,6 m^2 lấn chiếm năm 2015 thuộc đất do Công ty TNHH MTV L quản lý theo định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty vào mục đích nông nghiệp. Tham khảo các căn cứ ở trên công ty đã xác nhận theo đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 120/2024/HC-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 về việc yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định số 159/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng* đường C - Buôn M*, giai đoạn 1"*.

2. Hủy một phần Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng* đường C - Buôn M*, giai đoạn 1"*.

3. Hủy Quyết định số 467/QĐ-UBND do UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc *"phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng* đường C - Buôn M*, giai đoạn 1"*.

4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, phải bồi thường về đất, tái định cư, bồi thường về tài sản và cây trồng trên đất bị thu hồi của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, ông Phạm Hữu H kháng cáo yêu cầu Toà phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà C1.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1; nhận thấy:

[1.1] Về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất:

- Người khởi kiện ông C, bà C1 cho rằng nguồn gốc 3.937,4 m^2 đất mà nhà nước thu hồi là do gia đình ông C khai hoang vào năm 1997, đến năm 2000 ông C ra ở riêng, tạo lập các tài sản trên đất và sử dụng ổn định đến nay, để chứng minh về nguồn gốc đất trên người kiện ông C cung cấp nhiều nhân chứng, cho rằng là những hộ trên đều biết gia đình ông khai hoang đất vào những năm 1997.

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

+ Tại Giấy xác nhận số 89/GXN-UBND ngày 16/5/2023 của UBND xã C xác nhận: Diện tích đất này trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất Công ty L giao cho UBND huyện E quản lý; xác định Hộ ông Trịnh Văn C lấn chiếm sử dụng đất năm 2005 và sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

+ Tại Giấy xác nhận số 170/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận: Hộ ông Trịnh Văn C diện tích 1.987,3m^2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất công ty L giao cho UBND huyện E quản lý; Xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Diện tích 994,6 m^2 lấn chiếm sử dụng từ năm 2015 *(theo Công văn số 51/CV-Cty ngày 05/06/2023 của* Công ty TNHH MTV L*)*. Diện tích đất do Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm T2 Ea Kar thuê 137.935.686 m^2 đất; Xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2015 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Do đó, việc ông C, bà C1 cho rằng diện tích 3.937,4 m^2 đất trên có nguồn khai hoang từ năm 1997 là không có cơ sở để chấp nhận.

[1.2] Xét yêu cầu của người khởi kiện ông C, bà C1 không khồng ý với người bị kiện về mức hỗ trợ 60% và 30%, đối với hỗ trợ về đất, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên đất, nhận thấy:

*** Xét yêu cầu bồi thường về đất:** Do diện tích đất của ông C, bà C1 có nguồn gốc do lấn chiếm đất của UBND huyện E quản lý và diện tích đất do Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm T2 Ea Kar thuê 137.935.686 m^2 đất, nên việc UBND huyện E không bồi thường về đất cho ông C, bà C1 mà chỉ hỗ trợ về đất là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

*** Xét yêu cầu hỗ trợ về đất:**

Khoản 2 Điều 20 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quy định:

"Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do** Ủy ban nhân dân tỉnh Q**;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện

tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất."

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, diện tích 1.987,3 m^2 tại thửa 145, tờ bản đồ số 91 và diện tích 964,5 m^2 tại thửa đất số 9, tờ bản đồ 91 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005 nên được UBND huyện E hỗ trợ 50% là đúng quy định.

Đối với diện tích 994,6 m^2 tại thửa tại thửa 145, tờ bản đồ số 91 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 nên không được xem xét hỗ trợ là đúng quy định.

*** Xét yêu cầu hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc:**

Về vật kiến trúc trên đất: Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

"a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; *30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.*

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp

xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại."

Do đó, **UBND huyện E** hỗ trợ mức hỗ trợ của hộ gia đình là 60% là đúng quy định.

*** Xét nội dung yêu cầu hỗ trợ về cây trồng trên đất:**

Tại khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (được sửa đổi theo Điều 3 Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Đ) quy định: *"Cây trồng không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:*

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành."

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện E hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với cây trồng trên đất đối diện tích 1987,3 m^2 tại thửa 145, tờ bản đồ số 91 và diện tích 964,5 m^2 tại thửa đất số 9, tờ bản đồ 91 lấn chiếm sử dụng đất năm 2005 và 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với cây trồng trên đất đối với diện tích 994,6m^2 tại thửa tại thửa 145, tờ bản đồ số 91 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 với hộ ông Trịnh Văn C là đúng quy định.

[1.3] Xét yêu cầu cấp đất tái định cư: Theo Công văn số 3148/UBND-VP ngày 08/11/2023 của UBND huyện E về việc sử dụng Khu tái định cư số 01, dự án K, xã C để hỗ trợ dự án đường C - Buôn M, cũng như Biên bản bốc thăm tạm bàn giao đất hỗ trợ tái định cư mà người bị kiện cung cấp thì ông Trịnh Văn C đã được hỗ trợ giao đất tái cư, do đó xét yêu cầu cấp đất tái định cư của ông C, bà C1 là không có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông C, bà C1 kháng cáo nhưng không có tài liệu

chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3].Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 120/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0014028 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do Phạm Hữu H nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Tào